

Số: 811 /TTr-CP

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2025

**TỜ TRÌNH**

**Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục**

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết số 77/2025/UBTVQH15 ngày 21/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2025, Chính phủ kính trình Quốc hội Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIÁO DỤC**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục xuất phát từ yêu cầu thể chế hóa kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng tại các văn kiện quan trọng về các nội dung chủ yếu sau:

- Đột phá, phát triển giáo dục và đào tạo:
  - + Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;
  - + Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư, Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW;
- Phát triển giáo dục và đào tạo trong bối cảnh phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; thúc đẩy hợp tác quốc tế; phát triển kinh tế tư nhân; đổi mới công tác xây dựng, thi hành pháp luật và đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách, xã hội:
  - + Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.
  - + Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;
  - + Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới;



+ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

+ Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của BCHTW khóa VIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới, trong đó giao “*Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi*”.

- Sắp xếp lại hệ thống hành chính nhà nước, xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp; tổ chức lại, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

+ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

+ Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025, số 127-KL/TW ngày 28/02/2025; số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 và số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, với định hướng bỏ cấp hành chính trung gian (cấp huyện), sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh và xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Việc sửa đổi còn nhằm bảo đảm thể chế hóa quy định của Hiến pháp (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2025), Nghị quyết số 72-NQ/TW về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, trong đó xác định nhiệm vụ “Thực hiện đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ sau đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trong lĩnh vực sức khỏe do Bộ Y tế quản lý” và bảo đảm sự thống nhất với các luật mới ban hành như Luật Nhà giáo, Luật Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số...

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 (sau đây gọi là Luật Giáo dục) được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 14/6/2019, công bố ngày 04/7/2019, gồm 9 chương, 115 điều, chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2020 và thay thế Luật Giáo dục năm 2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2009.

Luật Giáo dục 2019 đã thể chế hóa các quan điểm và định hướng của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đã được nêu trong các Nghị quyết: Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết số 29-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 88/2014/QH13; cụ thể hóa các quy định mới của Hiến pháp năm 2013 với những nội dung liên quan đến phát triển giáo dục và đào tạo; tạo ra sự đồng bộ, thống nhất với hệ thống các văn bản pháp luật khác để tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo.



Luật Giáo dục có vai trò là luật khung của pháp luật chuyên ngành về giáo dục, đào tạo, từ đó hình thành khung hệ thống giáo dục quốc dân, khung trình độ quốc gia. Cùng với Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp, các chính sách về giáo dục cơ bản được triển khai đồng bộ và đem lại những kết quả đáng ghi nhận, góp phần nâng cao trình độ, năng lực, kết quả của hệ thống giáo dục.

***Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy một số bất cập, hạn chế của Luật Giáo dục cần được tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, tập trung vào một số nội dung như sau:***

- *Quy định về hệ thống giáo dục quốc dân, hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục:* Theo pháp luật hiện hành, hệ thống giáo dục quốc dân là hệ thống giáo dục mở, liên thông; tuy nhiên phân luồng học sinh còn hạn chế. Hiện nay, sau khi hoàn thành trung học cơ sở (THCS), học sinh chủ yếu chọn học trung học phổ thông (THPT); số lượng học sinh theo học trung cấp nghề, cao đẳng nghề còn thấp. Chương trình THPT thiên về kiến thức hàn lâm, chưa thực sự gắn kết với đào tạo nghề. Trong khi đó, nhu cầu của thị trường lao động cần lực lượng lao động có tay nghề, có kỹ năng thực hành. Thực tế tại nhiều địa phương, một số mô hình thí điểm kết hợp dạy văn hóa và dạy nghề đã mang lại hiệu quả nhưng chưa có hành lang pháp lý chính thức để triển khai rộng rãi; việc liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo còn bất cập, chưa thực hiện được hoặc thực hiện chưa hiệu quả do một số chương trình liên quan đến nhiều Bộ, ngành, nhất là liên thông đối với các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe, nghệ thuật, quốc phòng, an ninh. Nhằm thiết lập hệ thống giáo dục quốc dân mở, linh hoạt, liên thông, học tập suốt đời, phù hợp với yêu cầu hiện đại hóa giáo dục, cần thiết phải hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng tăng liên thông giữa giáo dục THPT với đào tạo nghề; bổ sung mô hình “trung học nghề” tạo điều kiện cho học sinh sau THCS có thêm lựa chọn, vừa được tiếp tục học chương trình THPT, vừa được học kỹ năng nghề. Đây là mô hình mới để nâng cao hiệu quả phân luồng học sinh sau THCS, đặc biệt đối với đào tạo chuyên sâu đặc thù, trong đó có lĩnh vực nghệ thuật.

- *Quy định về văn bằng, chứng chỉ:* Trong quy định của Luật Giáo dục chưa ghi nhận hình thức văn bằng, chứng chỉ điện tử hoặc số, trong khi xu hướng chuyển đổi số và quản lý học tập trực tuyến ngày càng phổ biến. Mặt khác, việc quy định bằng tốt nghiệp THCS chưa đảm bảo phù hợp với mục tiêu phổ cập giáo dục hiện nay, trong khi xu thế quốc tế (nhiều quốc gia phát triển như: Mỹ, Canada, Anh, Úc, Phần Lan) không cấp bằng tốt nghiệp THCS mà sử dụng xác nhận của Hiệu trưởng về kết quả học tập ở lớp dưới để xét học ở bậc học cao hơn hoặc phân luồng. Ngoài ra, việc quy định về thực hiện quản lý hệ thống văn bằng giáo dục đại học còn bất cập, chưa bao quát toàn diện việc quản lý văn bằng, chứng chỉ, trong khi thực tế đòi hỏi sự thống nhất và tập trung hơn từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhất là trong bối



cảnh hiện nay cần phân quyền, phân cấp triệt để. Những hạn chế này khiến hệ thống pháp luật chưa theo kịp yêu cầu hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và quản lý minh bạch, an toàn trên môi trường số.

- *Quy định về phổ cập giáo dục và giáo dục bắt buộc*: Khoản 1 Điều 14 Luật Giáo dục quy định giáo dục bắt buộc chỉ dừng ở cấp tiểu học là chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chưa bảo đảm hoàn thành mục tiêu phổ cập bền vững, bởi tình trạng học sinh bỏ học sau tiểu học vẫn diễn ra. Việc chỉ phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi trong quy định hiện hành chưa đồng bộ với nghị quyết mới của Quốc hội (Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025), gây thiếu thống nhất trong triển khai. Những hạn chế này cho thấy cần sửa đổi để mở rộng giáo dục bắt buộc đến THCS và phổ cập mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi, bảo đảm công bằng, đồng bộ và phù hợp với định hướng phát triển giáo dục hiện nay.

- *Về cấp học và độ tuổi của giáo dục phổ thông*: Tại Điều 28 Luật Giáo dục có một số quy định chưa đảm bảo tính linh hoạt, gây vướng mắc, bất cập trong thực tiễn như: Tại điểm c khoản 1 chỉ ghi nhận “*có bằng tốt nghiệp THCS*”, chưa bao quát trường hợp học sinh hoàn thành chương trình THCS ở nước ngoài với văn bằng, chứng chỉ tương đương; điều này gây vướng mắc trong tiếp nhận học sinh Việt Nam hoặc người nước ngoài về nước theo học. Khoản 2 quy định chi tiết, liệt kê cụ thể các trường hợp học vượt lớp, học ở độ tuổi cao hơn dễ dẫn đến thiếu sót, không linh hoạt khi phát sinh tình huống mới, có thể gây lúng túng trong xử lý, làm chậm tiến độ nhập học và ảnh hưởng quyền lợi của học sinh. Vì vậy, cần thiết phải nghiên cứu sửa đổi quy định nhằm tăng tính linh hoạt của pháp luật, phù hợp thực tiễn và bảo đảm quyền học tập của học sinh

- *Về sách giáo khoa giáo dục phổ thông và tài liệu giáo dục địa phương*: Tại Điều 32 Luật Giáo dục, tên điều là “*sách giáo khoa*” nhưng nội dung của Điều quy định cả về “*tài liệu giáo dục địa phương*”. Theo quy định của Luật Giá 2023 (Phụ lục số 2), Bộ GDĐT có trách nhiệm định giá tối đa đối với sách giáo khoa. Như vậy, quy định tại Điều 32 Luật Giáo dục dẫn đến việc tài liệu giáo dục địa phương cũng được hiểu là sách giáo khoa, Bộ GDĐT có trách nhiệm định giá tối đa - điều này không phù hợp với thực tiễn, không hợp lý vì bản chất, quy mô, hình thức sách giáo khoa khác tài liệu giáo dục địa phương. Tài liệu giáo dục địa phương viết về lịch sử, văn hóa, chính trị của 1 phương cụ thể và dạy trên địa bàn đó, còn sách giáo khoa cụ thể hóa chương trình giáo dục được thực hiện thống nhất trên toàn quốc. Vì vậy, cần xác định rõ tài liệu giáo dục địa phương không phải là sách giáo khoa. Bên cạnh đó, cần phân cấp thẩm quyền biên soạn, thẩm định và phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương để tăng tính chủ động cho địa phương. Ngoài ra, Nghị quyết 71- NQ/TW đã nêu rõ việc bảo đảm cung cấp một bộ sách giáo khoa thống nhất toàn quốc, cần thể chế hóa tại dự thảo Luật để triển khai thực hiện.



- *Về cơ sở giáo dục thường xuyên:* Quá trình triển khai thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 44 Luật Giáo dục đã bộc lộ một số bất cập trong thực tiễn như: thủ tục xin cấp phép còn phức tạp, kéo dài, trong khi chủ trương chung là giảm thủ tục hành chính, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho cơ sở giáo dục; cần được sửa theo hướng bỏ quy định cấp phép tại Luật hiện hành, giao Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể, bảo đảm sự thống nhất, linh hoạt, vừa quản lý hiệu quả vừa khuyến khích các cơ sở giáo dục phát triển các chương trình giáo dục thường xuyên, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của xã hội.

- *Quy định về hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo:* Điều 19 Luật Giáo dục mới chỉ dừng lại ở việc khẳng định hoạt động khoa học và công nghệ là một nhiệm vụ của cơ sở giáo dục nhưng chưa phản ánh đầy đủ yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới, chưa làm rõ cơ chế, trách nhiệm, quyền hạn cụ thể của các cơ sở giáo dục trong việc tổ chức và quản trị hoạt động này. Ngoài ra, nội dung điều luật chưa đề cập đến đổi mới sáng tạo - một định hướng lớn được nhấn mạnh trong Nghị quyết 57-NQ/TW và Nghị quyết 71-NQ/TW, cũng như chưa bao quát các yêu cầu mới của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo. Bên cạnh đó, các vấn đề cấp thiết như chuyển đổi số trong giáo dục, xây dựng và khai thác cơ sở dữ liệu giáo dục quốc gia, hay việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giảng dạy và quản lý chưa được thể chế hóa, trong khi đây là xu thế tất yếu và là định hướng chiến lược của Chính phủ. Ngoài ra, quy định hiện hành mới chỉ dừng lại ở tính khuyến khích chung, thiếu cơ chế cụ thể về nguồn lực, tài chính, chính sách ưu tiên cho nghiên cứu khoa học và công nghệ trong nhà trường. Vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung Điều 19 để mở rộng phạm vi sang đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo có kiểm soát trong giáo dục và đào tạo là cần thiết, nhằm bảo đảm sự đồng bộ với các quy định của pháp luật có liên quan, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục, đào tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh mới.

- *Về tổ chức, hoạt động của nhà trường:* Tại Luật Giáo dục quy định trực tiếp về điều kiện thành lập nhà trường và điều kiện được phép hoạt động giáo dục; đình chỉ hoạt động giáo dục; sáp nhập, chia, tách, giải thể nhà trường (Điều 49, 50, 51). Điều này chưa đảm bảo phù hợp với chủ trương xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện nay. Luật Giáo dục chỉ nên quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định hướng mang tính khung, thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Đối với các điều kiện cụ thể về thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể nhà trường, cơ sở giáo dục khác nên giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm phù hợp với thực tiễn quản lý, có thể linh hoạt điều chỉnh khi bối cảnh thay đổi; tạo điều kiện chủ động cho Chính phủ trong việc điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện kịp thời các quy định chi tiết.

- *Về nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư trong lĩnh vực giáo dục:* Luật



Giáo dục quy định về nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư trong lĩnh vực giáo dục (điểm a khoản 1 Điều 54) gồm nhà đầu tư trong nước là cá nhân có quốc tịch Việt Nam và tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, Luật Đầu tư đã giải thích khái niệm nhà đầu tư trong nước là cá nhân có quốc tịch Việt Nam, tổ chức kinh tế không có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông (khoản 20 Điều 3). Như vậy, khái niệm nhà đầu tư trong nước tại Luật Giáo dục có sự khác biệt so với Luật Đầu tư, gây khó khăn trong áp dụng pháp luật. Ngoài ra, trong thực tiễn, nhiều cơ sở giáo dục tư thục do từ hai cá nhân trở lên cùng góp vốn thành lập nhưng không có tổ chức kinh tế đứng ra quản lý nên dễ phát sinh bất cập: thiếu minh bạch về mô hình tổ chức, khó áp dụng Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp; cơ chế ra quyết định thiếu rõ ràng, dễ xảy ra xung đột trong quản lý vốn, nhân sự, chuyển nhượng, thừa kế. Điều này dẫn đến rủi ro pháp lý, gây khó khăn cho Nhà nước trong công tác giám sát và có thể làm gián đoạn hoạt động giáo dục, ảnh hưởng đến quyền lợi người học.

- *Về hội đồng trường*: Thực tiễn quá trình tổ chức thực hiện quy định về hội đồng trường đã bộc lộ nhiều bất cập như: hoạt động của hội đồng trường còn mang tính hình thức; mô hình tổ chức, hoạt động, cơ chế phân cấp, phân quyền, phối hợp công tác giữa hội đồng đại học và hội đồng trường của trường đại học thành viên ở Đại học quốc gia, đại học vùng còn chồng chéo; cơ cấu thành phần, quy trình lựa chọn, bổ sung thành viên hội đồng trường còn hạn chế, vướng mắc; quy định chủ tịch hội đồng trường không kiêm nhiệm các chức vụ quản lý trong trường đại học chưa thống nhất trong triển khai; chủ trương thành lập hội đồng trường ở các trường đại học thuộc khối công an, quân đội chưa phù hợp với tính chất đặc thù của ngành... Bên cạnh đó, Nghị quyết 71-NQ/TW đã khẳng định “Không tổ chức hội đồng trường trong các cơ sở giáo dục công lập (trừ các trường công lập có thỏa thuận quốc tế)”.

- *Về nhà giáo và các chức danh liên quan*: Các quy định về nhà giáo hiện nay đã được quy định trong Luật Nhà giáo, như vậy cần lược bỏ trong Luật Giáo dục để tránh chồng chéo, trùng lặp trong hệ thống pháp luật. Trong Luật Giáo dục chỉ nên quy định chung, dẫn chiếu sang Luật Nhà giáo và quy định cụ thể về đối tượng nhà giáo thỉnh giảng (không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Nhà giáo); đồng thời cần thống nhất quy định khái niệm giảng viên tại các Luật khác có liên quan (Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp). Trong thực tiễn, ngoài đội ngũ nhà giáo thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Nhà giáo, còn một số đối tượng chưa được điều chỉnh tại các Luật liên quan như: Cán bộ quản lý giáo dục và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục không phải là nhà giáo. Điều này đặt ra yêu cầu phát triển, định danh đội ngũ nhân sự giáo dục toàn diện, không chỉ giới hạn ở nhà giáo.



- *Về học phí, chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo:* Mặc dù học phí được xác định là giá dịch vụ giáo dục, đào tạo (GDĐT) từ khi Luật phí, lệ phí ban hành năm 2015 không còn xác định học phí thuộc danh mục phí nữa; Nghị quyết 19-NQ/TW cũng xác định mục tiêu đến năm 2021 phải hoàn thành lộ trình tính đủ chi phí đối với giá dịch vụ GDĐT (học phí). Tuy nhiên, trên thực tế do học phí tác động rộng đối với toàn xã hội và do hậu quả của dịch Covid-19 nên dự kiến lộ trình hoàn thành tính giá dịch vụ GDĐT phải lùi đến năm 2027 đối với giáo dục đại học và đến năm 2032 đối với giáo dục mầm non, phổ thông (trừ số ít những cơ sở GDĐT, những chương trình đào tạo có khả năng xã hội hóa cao có thể thực hiện trước lộ trình này). Bên cạnh đó, qua kiến nghị và giám sát thực tế tại các địa phương cho thấy các dịch vụ hỗ trợ giáo dục đã phát sinh và đóng góp tích cực trong việc tạo điều kiện thuận lợi, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện của người học cũng như hỗ trợ hoạt động của cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, do chưa có quy định thống nhất, việc triển khai còn thiếu cơ sở pháp lý, vì vậy cần thiết phải bổ sung quy định về dịch vụ hỗ trợ giáo dục để bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện.

- *Về chính sách ưu đãi đối với cơ sở giáo dục:* Học phí tại các cơ sở giáo dục công lập hiện nay hầu hết đều chưa tính đủ chi phí, tuy nhiên do được coi là giá nên cơ quan thuế vẫn áp dụng thuế TNDN, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, nhất là đối với các cơ sở giáo dục đại học. Điều này đang gây khó khăn lớn cho các cơ sở giáo dục, thậm chí có trường toàn bộ tiền thu học phí còn không đủ đóng tiền sử dụng đất. Bên cạnh đó, việc thu hút các nguồn lực của xã hội vào các cơ sở giáo dục gặp nhiều khó khăn. Mặc dù đã có nhiều chủ trương, chính sách theo hướng tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở công lập; tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục thông qua các chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng; các nguồn lực của xã hội huy động chủ yếu thông qua học phí, tài trợ học bổng, chưa huy động được sự tham gia rộng rãi, góp phần tích cực của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước... Một số địa phương có điều kiện kinh tế-xã hội phát triển đã thực hiện chuyển đổi trường mầm non công lập sang tư thục từ trước năm 2019. Tuy nhiên, tại Luật Giáo dục 2019 chỉ cho phép chuyển đổi mô hình trường tư thục sang trường tư thục không vì lợi nhuận. Do đó, không có căn cứ để chuyển đổi mô hình trường công lập sang trường tư thục đối với cấp học mầm non.

- *Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD):* Công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập không hiệu quả, không đảm bảo tính khả thi. Việc các nhà trường chủ động ký hợp đồng thuê các tổ chức KĐCLGD độc lập thực hiện đánh giá, công nhận sẽ gây ra tốn kém chi phí cho nhà trường, đặc biệt đối với các trường học ở vùng khó khăn trong khi chưa có đủ các nguồn lực đầu tư cho công tác tự đánh giá



và KĐCLGD. Kinh phí cho hoạt động KĐCLGD của nhà trường chủ yếu là ngân sách, chưa huy động được các nguồn lực bên ngoài nên rất hạn chế. Vì vậy các nhà trường, địa phương không đủ nguồn lực để chi trả cho hoạt động KĐCLGD của các tổ chức này; do vậy cần thiết phải xem xét, đánh giá lại quy định này cho phù hợp.

- *Về quy chế tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp (CSGDĐH, CSGDNN)*: Hiện nay, các CSGDĐH và CSGDNN đã được trao quyền tự chủ theo Luật Giáo dục đại học (sửa đổi năm 2018) và Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014. Trong quá trình triển khai, nhiều trường đã chủ động ban hành quy chế tổ chức và hoạt động riêng, phù hợp với đặc thù quản trị và điều kiện thực tế. Tuy nhiên, việc xây dựng quy chế tại các trường còn có sự khác biệt đáng kể về nội dung, hình thức và quy trình ban hành; một số cơ sở chưa bảo đảm đầy đủ yêu cầu pháp lý, thiếu thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, thậm chí có quy định chưa phù hợp, dẫn tới khó khăn trong quản trị, phát sinh rủi ro pháp lý và gây lúng túng trong công tác thanh tra, kiểm tra.

- *Về đào tạo các ngành nghề đặc thù lĩnh vực nghệ thuật*:

Thực tiễn đào tạo các ngành, nghề đặc thù trong lĩnh vực nghệ thuật hiện nay đang gặp nhiều khó khăn do chưa có cơ chế đặc thù trong hệ thống quy định pháp lý chung phù hợp với đặc thù của lĩnh vực này như: quy định về độ tuổi tuyển sinh, thời gian và tiến độ đào tạo, chuẩn đầu ra, khối lượng học tập tối thiểu chưa đáp ứng yêu cầu linh hoạt và dài hạn của quá trình đào tạo năng khiếu. Mô hình đào tạo tích hợp giữa chương trình phổ thông và nghệ thuật tuy cần thiết nhưng chưa được hướng dẫn cụ thể, gây lúng túng cho các cơ sở. Ngoài ra, việc thiếu cơ chế công nhận liên thông, cấp văn bằng riêng, chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng tạo rào cản trong quản lý và phát triển nguồn nhân lực nghệ thuật. Những bất cập trên cho thấy sự cần thiết phải hoàn thiện khung pháp lý để bảo đảm tính linh hoạt, đặc thù và hiệu quả trong đào tạo nghệ thuật.

- Trên thực tế, từ năm 2019 đến nay phát sinh một số vấn đề mới mà Luật Giáo dục chưa quy định nhưng đã được đề cập trong các nghị quyết của Đảng hoặc các văn bản dưới luật như: Việc bỏ cấp quản lý trung gian (cấp huyện) làm thay đổi cách thức tổ chức quản lý giáo dục; việc tham gia các hiệp định, công ước quốc tế về giáo dục đòi hỏi pháp luật phải bảo đảm tương thích, liên thông quốc tế; yêu cầu cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; yêu cầu bảo đảm công bằng, bình đẳng trong tiếp cận giáo dục của các nhóm yếu thế và giữa người học cơ sở giáo dục công lập với cơ sở giáo dục dân lập, tư thục.

Vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục là rất cần thiết, nhằm đáp ứng yêu cầu thể chế hóa kịp thời những chủ trương mới của Đảng, tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý để nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị hệ thống giáo dục, phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong



bối cảnh sắp xếp, tổ chức lại bộ máy hành chính và thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp; đồng thời đặt trọng tâm tháo gỡ, khắc phục những bất cập, điểm nghẽn trong các quy định của Luật Giáo dục hiện hành nhằm khơi thông, tạo đà cho công cuộc đổi mới giáo dục, đào tạo theo phương châm dạy tốt, học tốt và quản lý tốt, đồng thời bảo đảm sự phù hợp, thống nhất với các quy định pháp luật mới.

## **II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIÁO DỤC**

### **1. Mục đích ban hành Luật**

a) Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối mới của Đảng, các nghị quyết, kết luận, chỉ thị có liên quan đến phát triển giáo dục trong bối cảnh mới; cụ thể hóa quy định của Hiến pháp (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và bảo đảm thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật liên quan;

b) Khắc phục những bất cập, điểm nghẽn của Luật Giáo dục hiện hành; tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý cho việc xây dựng nền giáo dục Việt Nam mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; hội nhập quốc tế; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc; nâng cao hiệu quả quản trị hệ thống giáo dục, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục;

c) Bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức, cơ sở giáo dục; đồng thời bảo đảm công bằng, bình đẳng trong tiếp cận giáo dục giữa các nhóm đối tượng và các loại hình cơ sở giáo dục trong tiếp cận và thực hiện các thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục;

d) Góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững đất nước.

### **2. Quan điểm xây dựng Dự án Luật**

a) Thể chế hóa chủ trương của Đảng, Hiến pháp (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) nhất là những nội dung về đột phá, phát triển giáo dục và đào tạo; phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, thúc đẩy xã hội hóa và hội nhập quốc tế, bảo đảm đồng bộ pháp lý, nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và nhu cầu học tập của Nhân dân;

b) Quá trình sửa đổi, bổ sung phải được rà soát toàn diện nhưng thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những nội dung thực sự cần thiết, liên quan trực tiếp đến khắc phục bất cập, điểm nghẽn và đáp ứng yêu cầu cấp thiết của thực tiễn; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và phù hợp với điều kiện tổ chức thực hiện;

c) Các quy định mới phải kế thừa và phát triển những nội dung hợp lý của quy định hiện hành; giữ vai trò là luật khung của pháp luật giáo dục, định hướng



cho các luật chuyên ngành;

d) Việc xây dựng Luật cần lấy người học làm trung tâm, nâng cao vai trò chủ thể của cơ sở giáo dục, tăng cường quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình, tạo động lực phát triển đội ngũ nhân sự giáo dục; đồng thời bảo đảm công bằng, bình đẳng trong tiếp cận giáo dục cho mọi người dân.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIÁO DỤC**

Chính phủ đã chỉ đạo, tổ chức xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật như sau:

1. Tổng kết đánh giá thi hành Luật Giáo dục trên toàn quốc.
2. Giao Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập soạn thảo dự án Luật.
3. Tổ chức các hoạt động phục vụ soạn thảo dự án Luật như: tham khảo kinh nghiệm một số nước trên thế giới; tổ chức các hội thảo khoa học, tọa đàm với sự tham gia của đại diện các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Sở GDĐT, cơ sở giáo dục đại học, các chuyên gia, nhà khoa học.
4. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để xây dựng, hoàn thiện dự thảo Luật: đăng tải hồ sơ dự thảo Luật trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ; gửi văn bản lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức liên quan, lấy ý kiến phản biện xã hội và thực hiện tiếp thu, giải trình theo quy định.
5. Gửi Hồ sơ dự án Luật đến Bộ Tư pháp thẩm định và tiếp thu ý kiến thẩm định (Báo cáo số 234/BCTĐ-BTP ngày 05/6/2025 của Bộ Tư pháp), chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật.
6. Gửi lấy ý kiến Thành viên Chính phủ và tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ, hoàn thiện dự thảo Luật.
7. Chính phủ ban hành Nghị quyết số 191/NQ-CP ngày 26/6/2025 về Phiên họp Chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 6 năm 2025, trong đó giao Bộ GDĐT hoàn thiện hồ sơ dự án Luật. Ngày 18/7/2025, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến giao Bộ trưởng Bộ GDĐT thay mặt Chính phủ thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội về dự án Luật (Công văn số 6669/VPCP-KGVX ngày 18/7/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc ủy quyền ký Tờ trình của Chính phủ). Ngày 21/7/2025, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thay mặt Chính phủ thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình số 642/TTr-CP trình Quốc hội dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục.
8. Tiếp thu, giải trình ý kiến phản biện xã hội của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (văn bản số 248/MTTW-BTT ngày



07/8/2025); đăng tải Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, ý kiến phản biện xã hội lên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

9. Tiếp thu, giải trình Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Thông báo kết luận số 3001/TB-VPQH ngày 18/8/2025); ý kiến thẩm tra sơ bộ của Ủy ban Văn hóa và Xã hội (Báo cáo số 882/BC-UBVHXH15 ngày 12/8/2025) và ý kiến tham gia thẩm tra của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội; hoàn thiện hồ sơ dự thảo Luật.

## **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT**

### **1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số quy định về hệ thống giáo dục quốc dân; cơ sở giáo dục, nhà giáo; quản lý nhà nước về giáo dục; quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động giáo dục. Dự thảo Luật áp dụng đối với toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân.

### **2. Bố cục của dự thảo Luật**

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục gồm 02 điều:

(1) Điều 1 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Luật Giáo dục. Số điều khoản sửa đổi, bổ sung về nội dung là 43/115 điều (chiếm tỷ lệ: 37.4%)<sup>1</sup>. Các điều còn lại khoảng 14 điều điều chỉnh việc bỏ tên Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; 10 điều bãi bỏ do nội dung đã được chuyển sang Luật Nhà giáo; cùng một số điều chỉnh kỹ thuật về câu chữ, kết cấu, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của dự thảo.

(2) Điều 2 quy định điều khoản thi hành gồm: Hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp.

### **3. Nội dung cơ bản**

#### **3.1. Các nội dung sửa đổi, hoàn thiện**

##### **3.1.1. Nội dung nhằm thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền**

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9: phân cấp thẩm quyền quy định chi tiết hướng nghiệp và phân luồng từ Chính phủ sang Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 12: Tiếp thu ý kiến thẩm tra, dự thảo Luật đã được rà soát, chỉnh lý tại Điều 12 nhằm làm rõ khái niệm văn bằng, chứng chỉ trong hệ thống giáo dục quốc dân trên cơ sở kế thừa quy định của Luật hiện hành. Theo đó, văn bằng, chứng chỉ có thể được cấp dưới dạng giấy, điện tử hoặc số, với giá trị pháp lý tương đương nhau và tuân thủ quy định của Luật Giao dịch điện tử, Luật Dữ liệu cùng các văn bản pháp luật có liên quan.

<sup>1</sup> Trong đó có 04 điều bị bãi bỏ (do không phù hợp thẩm quyền hoặc chuyển sang Luật chuyên ngành quy định), 02 điều bổ sung mới, 37 điều được sửa đổi, bổ sung



Đồng thời, dự thảo Luật đã bỏ quy định cấp bằng tốt nghiệp THCS, thay bằng việc hiệu trưởng xác nhận hoàn thành chương trình học. Quy định này phù hợp với bối cảnh phổ cập giáo dục đến THCS, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm áp lực thi cử cho học sinh, đồng thời phù hợp với thông lệ quốc tế – khi nhiều quốc gia phát triển không cấp bằng tốt nghiệp THCS mà chỉ xác nhận hoàn thành chương trình để phân luồng hoặc xét học tiếp.

Ngoài ra, dự thảo cũng làm rõ quy định về chứng chỉ trong hệ thống giáo dục quốc dân, giao Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể về quản lý, văn bằng, chứng chỉ. Đối với một số ngành đào tạo chuyên sâu, đặc thù, dự thảo Luật cho phép quy định văn bằng trình độ tương đương, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn và đặc thù quản lý chuyên ngành.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 28: Giao thẩm quyền cho Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định các trường hợp học sinh được học vượt lớp, học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định tại khoản 1 Điều này để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 32: Tách riêng quy định về tài liệu giáo dục địa phương thành 1 khoản riêng (khoản 2), không nằm trong khoản quy định về SGK (khoản 1) và sửa tên Điều thành “*Sách giáo khoa giáo dục phổ thông và tài liệu giáo dục địa phương*”. Giao cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh tổ chức biên soạn tài liệu giáo dục địa phương, hội đồng thẩm định cấp tỉnh thẩm định; chuyển thẩm quyền phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương từ Bộ trưởng Bộ GDĐT thành thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh nhằm nâng cao trách nhiệm quản lý nhà nước của địa phương trong việc tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 38 trong đó bổ sung khoản 5 quy định Bộ trưởng quy định học liên thông giữa trung học nghề, trung cấp, cao đẳng và đại học (phân cấp thẩm quyền của Chính phủ hiện đang quy định tại khoản 3 Điều 10).

- Sửa đổi, bổ sung Điều 34 để chuyển thẩm quyền cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) từ Giám đốc Sở GDĐT cho Hiệu trưởng; bỏ quy định người đứng đầu cơ quan chuyên môn về giáo dục thuộc UBND cấp huyện cấp bằng tốt nghiệp THCS và giao người đứng đầu cơ sở thực hiện chương trình giáo dục THCS xác nhận học bạ việc hoàn thành chương trình THCS, giảm khối lượng công việc hành chính cho cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, tăng tính tự chủ cho cơ sở giáo dục.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 52 về thẩm quyền, thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập; công nhận, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ tuyển sinh, đình chỉ hoạt động giáo dục; sáp nhập, chia, tách, giải thể, đặt tên, đổi tên nhà trường cho phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

### 3.1.2. Nội dung nhằm thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng



- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14: quy định (1) phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 03 tuổi, 04 tuổi và 05 tuổi để phù hợp với Nghị quyết số 218/2025/QH15; (2) bổ sung giáo dục THCS là bắt buộc nhằm thể chế hóa Kết luận 91-KL/TW v/v tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW “thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm”; - bổ sung khoản 5 Điều 14 để giao Chính phủ quy định chi tiết hơn các điều kiện về nguồn lực tài chính, đội ngũ nhà giáo, nhân sự giáo dục để tổ chức triển khai có hiệu quả phổ cập giáo dục và giáo dục bắt buộc.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 19 dự thảo Luật theo hướng bổ sung quy định mang tính nguyên tắc về việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động giáo dục. Quy định này nhằm thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Nghị quyết số 71-NQ/TW và Nghị quyết số 57-NQ/TW, đồng thời bảo đảm thống nhất với Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Luật Dữ liệu, cũng như dự thảo Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) và Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi). Đồng thời, Chính phủ được giao thẩm quyền quy định chi tiết để bảo đảm tính khả thi và phù hợp với thực tiễn.

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 25: để làm rõ quy định tại khoản 7 Điều 5 về “Chuẩn đầu ra” và đảm bảo tính liên thông trong chương trình giáo dục của các cấp học. Đồng thời, cụ thể hóa chủ trương Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kết luận số 51-KL/TW, số 91-KL/TW, Nghị quyết số 68/NQ-CP, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Sửa đổi quy định “ở mỗi độ tuổi” thành “giáo dục nhà trẻ và giáo dục mẫu giáo” để làm rõ cấp học và trình độ đào tạo của giáo dục mầm non.

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 32 theo hướng quy định Nhà nước cung cấp một bộ sách giáo khoa sử dụng thống nhất trong phạm vi toàn quốc. Đồng thời, Chính phủ quy định việc miễn phí sách giáo khoa cho học sinh; thực hiện các giải pháp xã hội hóa phù hợp về sách giáo khoa, bảo đảm tính bền vững và đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước (Nghị quyết 71-NQ/TW, Nghị quyết số 88/2014/QH13, Nghị quyết số 686/NQ-UBTVQH15) cũng như phù hợp với thực tiễn và bối cảnh hiện nay.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 55 theo hướng không quy định Hội đồng trường cơ sở giáo dục công lập để thể chế hóa Nghị quyết 71-NQ/TW, theo đó chỉ quy định hội đồng trường của trường dân lập, tư thục. Đây là tổ chức quản trị nhà trường để thực hiện nhiệm vụ điều tiết, hài hòa quan hệ, đảm bảo lợi ích giữa các bên có liên quan, nhu cầu thu lợi nhuận của nhà đầu tư với mục tiêu phát triển giáo dục, tránh thương mại hóa giáo dục.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 61, thay cụm cụm từ “định cư lâu dài” thành “thường trú” vì trên thực tế khó xác định thế nào là định cư lâu dài; bổ sung thêm vùng được thụ hưởng chính sách để bảo đảm thực hiện chính sách dân tộc; bổ sung mô hình trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới để thể chế hóa



Nghị quyết 71-NQ/TW.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 62, bổ sung “các trường năng khiếu khác được thành lập nhằm phát hiện, bồi dưỡng và phát triển tài năng, kỹ năng chuyên sâu của học sinh trong các lĩnh vực tương ứng” phù hợp với chủ trương tại Nghị quyết 57, Nghị quyết 71 của Bộ Chính trị và quy định Hiến pháp về ưu tiên, tạo điều kiện bồi dưỡng, phát triển nhân tài.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 85: bổ sung đối tượng được hưởng học bổng tại khoản 1 nhằm thể chế hóa Nghị quyết 71-NQ/TW, Nghị quyết 57-NQ/TW, đồng thời, bảo đảm thống nhất với quy định tại dự thảo Luật Giáo dục đại học (sửa đổi), Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi); sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 85 để thống nhất với nội dung sửa đổi tại Điều 61 và Nghị quyết 71-NQ/TW.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 102: bổ sung một số nguyên tắc chuyển nhượng vốn làm cơ sở để Chính phủ quy định chi tiết, vừa bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư, vừa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dạy, người học, tránh ách tắc trong thực tiễn chuyển nhượng vốn trong lĩnh vực giáo dục.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 103 để bổ sung các chính sách ưu đãi đối với các cơ sở giáo dục về đất đai, thuế như Nghị quyết 71-NQ/TW đã đặt ra.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 105: điều chỉnh quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của UBND bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

*3.1.3. Nội dung nhằm tháo gỡ vướng mắc trong thực tiễn; bảo đảm yêu cầu QLNN; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật*

- Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm d khoản 2 Điều 6 và Điều 35, Điều 38 nhằm thiết lập hệ thống giáo dục quốc dân mở, linh hoạt, liên thông, học tập suốt đời, phù hợp với yêu cầu hiện đại hóa giáo dục. Nội dung này đã bảo đảm thống nhất với dự thảo Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) và Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi).

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 để thể hiện rõ hơn nguyên tắc phân luồng sau THCS; bổ sung thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ đối với các ngành, nghề chuyên sâu đặc thù tại khoản 3 Điều 6; sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 62 để quy định về chương trình giáo dục chuyên sâu đặc thù đối với trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao; góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với đào tạo chuyên sâu đặc thù, trong đó có lĩnh vực nghệ thuật.

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 28 để tháo gỡ vướng mắc cho học sinh hoàn thành chương trình THCS ở nước ngoài về Việt Nam theo học THPT.

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 43 và khoản 2, khoản 3 Điều 45 để thống nhất với phương án bỏ bằng tốt nghiệp THCS và phân cấp, phân quyền tại Điều 12, Điều 34.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 44 theo hướng quy định việc thực hiện



chương trình giáo dục tại điểm d khoản 1 Điều 43 thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ GDĐT (chuyển từ cấp phép sang hậu kiểm), bảo đảm sự thống nhất, linh hoạt, vừa quản lý hiệu quả vừa khuyến khích các cơ sở giáo dục phát triển các chương trình giáo dục thường xuyên, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của xã hội.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 53 để làm rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của Bộ trưởng Bộ GDĐT, đồng thời quy định thẩm quyền hướng dẫn xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở GDDH, GDNN nhằm bảo đảm thống nhất pháp lý, khắc phục tình trạng chênh lệch, thiếu đồng bộ trong thực tiễn, song vẫn phát huy quyền tự chủ của các cơ sở.

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 54 để đảm bảo phù hợp quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, minh bạch mô hình tổ chức, tăng tính chuyên nghiệp, ổn định. Tổ chức kinh tế giúp cơ chế ra quyết định rõ ràng, hạn chế tranh chấp tài sản, nhân sự, chuyển nhượng vốn, đồng thời thuận lợi cho quản lý nhà nước và bảo vệ quyền lợi người học.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 66 theo hướng quy định chung về nhà giáo trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; bổ sung quy định về nhà giáo đồng cơ hữu; dẫn chiếu sang Luật Nhà giáo và các Luật chuyên ngành các nội dung trùng lặp để bảo đảm thống nhất, đồng bộ, đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 99 về học phí, chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo để thực hiện kết luận của Bộ Chính trị và Thường trực Ban Bí thư về chính sách miễn, hỗ trợ học phí, thống nhất với Nghị quyết 217/2025/QH15; đồng thời bổ sung loại hình “dịch vụ hỗ trợ giáo dục” nhằm thể chế hóa thực tiễn đã phát sinh tại các địa phương, bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức thực hiện, tránh chồng chéo, lạm thu, đồng thời tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho việc cung cấp các dịch vụ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện của người học.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 104 cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bộ GDĐT.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 109 theo hướng bỏ điều kiện chi tiết về công nhận văn bằng để phù hợp thẩm quyền của Quốc hội.

- Gộp Điều 110 vào Điều 111 thành một điều (Điều 110) quy định về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về bảo đảm và đánh giá chất lượng giáo dục, phù hợp với xu hướng quốc tế và yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước; đảm bảo yêu cầu của Luật Tổ chức Quốc hội: Luật chỉ quy định nguyên tắc, Bộ trưởng quy định cụ thể theo thẩm quyền.

### **3.2. Các nội dung bổ sung**

- Bổ sung khoản 3 Điều 63 giao Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy chế tổ



chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật để có căn cứ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục.

- Bổ sung Điều 71a, Điều 71b vào chương IV- Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân sự hỗ trợ giáo dục (quy định hiện hành là Nhà giáo) để bảo đảm thực hiện được các nhiệm vụ và giải pháp đã xác định tại Nghị quyết số 29-NQ/TW, nhấn mạnh vai trò quan trọng của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và các nhân sự hỗ trợ giáo dục khác.

- Bổ sung khoản 4a vào Điều 85 về Quỹ học bổng quốc gia để thực hiện Nghị quyết 71-NQ/TW đột phá về phát triển giáo dục, đào tạo.

- Bổ sung khoản 2a, 2b vào Điều 107 nhằm khuyến khích và tạo điều kiện cho công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập, giảng dạy, làm quản lý, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật; tạo điều kiện cho cơ sở giáo dục Việt Nam mở rộng đầu tư về giáo dục ra nước ngoài. Quy định này cũng để thực hiện Nghị quyết 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ (Chương trình HĐ thực hiện NQ57) và Nghị quyết 71-NQ/TW đột phá về phát triển giáo dục, đào tạo; đồng thời đảm bảo phù hợp với thực tiễn.

### **3.3. Các nội dung lược bỏ**

#### **3.3.1. Nội dung lược bỏ do không phù hợp thẩm quyền**

- Bỏ khoản 2 Điều 28 và giao thẩm quyền cho Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định các trường hợp học sinh được học vượt lớp, học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định.

- Bỏ Điều 49, Điều 50, Điều 51: Luật không quy định điều kiện đầu tư, hoạt động mà giao Chính phủ quy định.

- Bỏ khoản 3 Điều 105 để đảm bảo thống nhất về cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục.

#### **3.3.2. Nội dung lược bỏ để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật**

- Bỏ khoản 5 Điều 44 để thống nhất với dự thảo Luật Giáo dục đại học (sửa đổi).

- Bỏ Điều 67, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 75, Điều 76, Điều 77, Điều 78 để đảm bảo đồng bộ với Luật Nhà giáo.

- Bỏ Điều 68 để không trùng lặp về phạm vi điều chỉnh với Luật GDĐH.

- Bỏ Điều 111 do gộp nội dung vào Điều 110.

- Bỏ Điều 113 để sửa trực tiếp tại dự thảo Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi).

- Bỏ Điều 115 do nội dung chuyển tiếp thể hiện tại điều về Điều khoản thi hành.

*(Thuyết minh cụ thể tại Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách; Bản so sánh dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung với Luật Giáo dục hiện hành gửi kèm theo).*

### **3.4. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC)**

Dự thảo Luật không quy định chi tiết các TTHC (về thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết từng TTHC). Thay vào đó, các quy định trong Dự thảo Luật chủ yếu mang tính khung, định hướng chính sách, xác lập cơ sở pháp lý để



giao Chính phủ, Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định chi tiết theo thẩm quyền. Tuy nhiên, các quy định sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật vẫn có tác động trực tiếp đến việc sửa đổi, bổ sung, thay thế nhiều TTHC hiện hành đang được thực thi theo Luật Giáo dục năm 2019.

Theo kết quả rà soát, đánh giá, trong tổng số **126 TTHC** hiện hành chịu tác động của Luật Giáo dục năm 2019, có **69 TTHC (chiếm 54,76%)** dự kiến sẽ bị tác động bởi các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật. Các tác động này chủ yếu theo các nhóm sau:

3.4.1. TTHC lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ: bị tác động bởi quy định về văn bằng, chứng chỉ điện tử/số; thay đổi chủ thể có thẩm quyền xác nhận hoàn thành chương trình trung học cơ sở (THCS), cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT); tạo cơ sở pháp lý cho việc số hóa, tích hợp và chia sẻ dữ liệu văn bằng, chứng chỉ (các Điều 12, 19, 34, khoản 2, 3 Điều 45, Điều 109).

3.4.2. TTHC về thành lập/cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, chia, tách, sáp nhập, giải thể cơ sở giáo dục: bị tác động bởi việc bãi bỏ các điều kiện chi tiết trong Luật (bãi bỏ Điều 49, Điều 50, Điều 51), theo đó, dự thảo chỉ quy định nguyên tắc chung về việc thành lập/cho phép thành lập, cho phép hoạt động, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể và giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định các điều kiện chi tiết, cụ thể; đồng thời, sửa đổi thẩm quyền thành lập/cho phép thành lập theo hướng phân cấp mạnh cho địa phương (Điều 52, điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 54, Điều 103).

3.4.3. TTHC lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục: bị tác động bởi việc phân biệt rõ khái niệm: bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục; từ đó, tạo cơ sở để sửa đổi các thủ tục kiểm định chất lượng đối với các cấp học phổ thông và giáo dục thường xuyên (Điều 110 Luật Giáo dục theo hướng gộp nội dung Điều 110 và Điều 111).

3.4.4. TTHC lĩnh vực tuyển sinh, thi, thẩm định sách giáo khoa: tuy không sửa đổi trực tiếp quy trình thủ tục, nhưng có điều chỉnh về thẩm quyền thực hiện, từ đó sẽ làm phát sinh sửa đổi tại các văn bản dưới luật điều chỉnh nhóm TTHC này (khoản 4 Điều 28, Điều 32)

*(Thuyết minh cụ thể tại Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách; Bản so sánh dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung với Luật Giáo dục hiện hành gửi kèm theo).*

### **3.5. Các nội dung phân quyền, phân cấp**

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đã thể hiện rõ tinh thần phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực giáo dục, giao quyền chủ động, tự chủ nhiều hơn cho Bộ GDĐT, cấp tỉnh và cơ sở giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, đồng thời phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp. Cụ thể:



**- Phân quyền từ Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho Chính phủ (01 nhiệm vụ):** (1) Quy định cụ thể về điều kiện thành lập nhà trường, điều kiện được phép hoạt động giáo dục, việc đình chỉ hoạt động giáo dục; sáp nhập, chia, tách, giải thể nhà trường.

**- Phân cấp từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (07 nhiệm vụ):** (1) Quy định chi tiết hướng nghiệp và phân luồng trong lĩnh vực giáo dục; (2) Quy định học liên thông giữa trung học nghề, trung cấp, cao đẳng và đại học (dự thảo bãi bỏ khoản 3 Điều 10 và sửa đổi, bổ sung Điều 38 để giao thẩm quyền cho Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về liên thông giữa trung học nghề, trung cấp, cao đẳng và đại học vì thực tiễn chỉ còn vướng liên thông từ giáo dục nghề nghiệp sang giáo dục đại học); (3) Quy định văn bằng trình độ tương đương của một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù của hệ thống giáo dục quốc dân; (4) Thành lập cơ sở giáo dục đại học công lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục đại học tư thục; (5) Thu hồi quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục đại học; (6) Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục đại học; (7) Giải thể cơ sở giáo dục đại học.

**- Phân cấp từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (12 nhiệm vụ):** (1) Phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương; (2) Thành lập trường dự bị đại học; (3) Thu hồi quyết định thành lập trường dự bị đại học; (4) Sáp nhập, chia, tách trường dự bị đại học; (5) Giải thể trường dự bị đại học; (6) Cho phép thành lập trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên Chính phủ đề nghị; (7) Thu hồi quyết định cho phép thành lập trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên Chính phủ đề nghị; (8) Giải thể trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên Chính phủ đề nghị; (9) Thành lập trường trung cấp trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ; (10) Thu hồi quyết định thành lập trường trung cấp trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ; (11) Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ; (12) Giải thể trường trung cấp trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ.

**- Phân cấp từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (01 nhiệm vụ):** (1) Tổ chức biên soạn tài liệu giáo dục địa phương.

**- Phân cấp từ người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân**



**dân cấp tỉnh cho hiệu trưởng nhà trường/người đứng đầu cơ sở giáo dục (01 nhiệm vụ):** Cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông.

**- Phân định thẩm quyền hiện nay đang giao cho cấp huyện thực hiện (17 nhiệm vụ):** (1) Bỏ cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở và giao hiệu trưởng nhà trường/người đứng đầu cơ sở thực hiện chương trình giáo dục trung học cơ sở xác nhận học bạ việc hoàn thành chương trình trung học cơ sở; (2) Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non; (3) Thu hồi quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non; (4) Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non; (5) Giải thể cơ sở giáo dục mầm non; (6) Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học; (7) Thu hồi quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học; (8) Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học; (9) Giải thể trường tiểu học; (10) Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp cao nhất là trung học cơ sở; (11) Thu hồi quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp cao nhất là trung học cơ sở; (12) Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp cao nhất là trung học cơ sở; (13) Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp cao nhất là trung học cơ sở; (14) Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú; (15) Thu hồi quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú; (16) Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú; (17) Giải thể trường phổ thông dân tộc bán trú.

*(Thuyết minh cụ thể tại Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc gửi kèm theo)*

### **3.6. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

Thể chế hóa các quan điểm, chỉ đạo tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, nhằm tăng cường việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, dự thảo Luật có bổ sung một số quy định mới như sau:

3.6.1. Bổ sung quy định về văn bản, chứng chỉ điện tử/số (sửa đổi, bổ sung Điều 12 Luật Giáo dục) cho phép cấp văn bản, chứng chỉ điện tử/số, song song với bản giấy, tạo điều kiện cấp, tra cứu, xác thực dễ dàng, nhanh chóng, giảm nhu cầu bản sao giấy, góp phần cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số vào việc giải quyết TTHC trong lĩnh vực giáo dục.

3.6.2. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 về hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo theo hướng quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục trong hoạt



động nghiên cứu, khoa học, đổi mới sáng tạo: “*Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là một nhiệm vụ của cơ sở giáo dục*”. Đồng thời, bổ sung quy định về trách nhiệm của nhà nước gồm: *khuyến khích và thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ trong cơ sở giáo dục; thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong giáo dục và đào tạo; có chính sách ưu tiên, tạo điều kiện đầu tư cơ sở hạ tầng, công nghệ, hỗ trợ đào tạo để thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng trí tuệ nhân tạo có kiểm soát trong giáo dục và đào tạo*; Bổ sung quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo.

3.6.3. Bổ sung khoản 2a, 2b sau khoản 2 Điều 107 - Hợp tác về giáo dục với nước ngoài nhằm góp phần khuyến khích và tạo điều kiện cho công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập, giảng dạy, làm quản lý, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật; đồng thời, khuyến khích và tạo điều kiện cho cơ sở giáo dục Việt Nam thành lập văn phòng đại diện, mở rộng hoạt động đào tạo, đầu tư, hợp tác, nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục uy tín ở nước ngoài góp phần quảng bá giáo dục Việt Nam với các nước, tăng khả năng xuất khẩu giáo dục, tiếp cận công nghệ hiện đại, thúc đẩy ngoại giao tri thức.

*(Thuyết minh cụ thể tại Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc gửi kèm theo).*

**4. Vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết:** Không có.

## **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT VÀ THỜI GIAN TRÌNH QUỐC HỘI BAN HÀNH LUẬT**

### **1. Dự kiến nguồn lực thi hành Luật**

Nguồn lực tài chính từ ngân sách trung ương, địa phương và nguồn lực hợp pháp khác (chính sách miễn, giảm học phí...). Một số chính sách không phát sinh thêm tài chính do đã và đang thực hiện theo quy định của Chính phủ (mở rộng đối tượng hưởng trợ cấp, miễn, giảm học phí cho người học vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi...) *(Cụ thể tại Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách kèm theo hồ sơ)*.

### **2. Điều kiện bảo đảm thi hành Luật**

- Tuyên truyền, phổ biến Luật: Bộ GDĐT chủ trì xây dựng nội dung tuyên truyền. Các Bộ, ngành, địa phương tổ chức phổ biến, truyền thông kịp thời;

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Bộ Tài chính hướng dẫn bố trí ngân sách; Bộ GDĐT phối hợp các cơ quan, địa phương triển khai hiệu quả các chính sách.



### 3. Tiến độ xây dựng Luật

Dự án Luật trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.

Trên đây là Tờ trình của Chính phủ về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, quyết định.

*(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Luật; (2) Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Giáo dục 2019; (3) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật; (4) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án Luật; (5) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách; (6) Bản so sánh dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung với Luật Giáo dục hiện hành; (7) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội; (8) Báo cáo thẩm định và Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; (9) Báo cáo của Chính phủ về việc tiếp thu, giải trình ý kiến kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Báo cáo thẩm tra sơ bộ của Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục (Kèm Thông báo kết luận và Báo cáo thẩm tra sơ bộ)).*

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- PTTgCP Lê Thành Long (để báo cáo);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để báo cáo);
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ: GDĐT, TP;
- VPCP: BTCN, PCN Đỗ Ngọc Huỳnh, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục: PL, KTTH, TCCV, QHĐP, KSTTHC;
- Lưu: VT, KGVX, DNam.

TM. CHÍNH PHỦ  
TUQ. THỦ TƯỚNG  
BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Nguyễn Kim Sơn